

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động về “Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025” với những nội dung cụ thể như sau:

I - KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn có bước phát triển khá; cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch đúng hướng, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 8,6%/năm¹, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,7%/năm, giá trị gia tăng công nghiệp tăng 9,5%/năm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp trong GRDP từ 17% năm 2015 tăng lên 20,2% năm 2020². Một số ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế tiếp tục được đầu tư, hoạt động hiệu quả và có bước phát triển khá như chế biến đồ gỗ, đá ốp lát, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, sản xuất hàng may mặc, bia, sữa, dược phẩm, cơ khí, năng lượng tái tạo...; tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp trong 5 năm đạt 3,86 tỷ USD³, chiếm 93% so tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh.

Đã thu hút 250 dự án đầu tư sản xuất công nghiệp với tổng vốn đăng ký 39.108 tỷ đồng; trong đó: dự án có quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên có 36 dự án và đã đi vào hoạt động sản xuất 17 dự án⁴, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp. Thu hút vốn đăng ký đầu tư từ các dự án công nghiệp vào khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1.178

¹ Không đạt mục tiêu đề ra: 10,6%/năm.

² Không đạt mục tiêu đề ra: từ 21,4% năm 2015 tăng lên 26,1% năm 2020, tức tăng 4,7%.

³ Vượt mục tiêu đề ra: từ 3,6 - 3,8 tỷ USD.

⁴ Vượt mục tiêu đề ra: thu hút từ 10-15 dự án đi vào hoạt động; chuẩn bị các bước đầu tư từ 15-20 dự án cho giai đoạn sau năm 2020.

triệu USD⁵, vốn thực hiện đạt 39,4%; đã quy hoạch phát triển 10 khu công nghiệp với diện tích 3.560 ha và 61 cụm công nghiệp với diện tích 1.885,9 ha. Kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tiếp tục được đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ. Tỷ lệ lấp đầy diện tích đất công nghiệp cho thuê tại các cụm công nghiệp đi vào hoạt động năm 2020 đạt 61%; đã thực hiện công nhận 16 làng nghề đạt tiêu chí⁶. Các quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được rà soát, xây dựng, điều chỉnh và triển khai thực hiện kịp thời. Công tác phát triển thị trường sản phẩm công nghiệp được quan tâm hỗ trợ. Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp được tăng cường. Công tác tập huấn, đào tạo nghề cơ bản đáp ứng được nhu cầu, giải quyết thêm được nhiều việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế: Giá trị sản xuất công nghiệp, chỉ số sản xuất công nghiệp, thu hút vốn đầu tư công nghiệp vào khu kinh tế, khu công nghiệp và số lượng làng nghề được công nhận đạt tiêu chí hiện hành không đạt kế hoạch đề ra. Vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp và làng nghề còn thấp⁷, khả năng huy động vốn từ doanh nghiệp còn ít. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại một số khu, cụm công nghiệp chậm. Trong 5 năm qua, ngoài các Khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa được đầu tư và đi vào hoạt động ở giai đoạn trước, chưa hoàn thành khu công nghiệp mới để thu hút đầu tư. Các dự án đầu tư phần lớn chậm tiến độ hoặc dừng triển khai, bị thu hồi; chưa thu hút được dự án lớn, mang tính động lực phát triển công nghiệp tỉnh nhà. Triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách hiệu quả mang lại chưa cao; kết quả ứng dụng vào thực tiễn và mức độ gắn kết của hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với yêu cầu của doanh nghiệp còn thấp. Một số cụm công nghiệp, làng nghề xử lý môi trường chưa tốt, gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Hoạt động của một số hiệp hội ngành hàng chưa thể hiện vai trò cầu nối, bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ phát triển hội viên.

Những tồn tại, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới phục hồi chậm, tình hình biến đổi khí hậu, hạn hán, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn thế giới... đã tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, xuất khẩu hàng hóa của tỉnh. Nguồn lực tài chính đầu tư phát triển công nghiệp còn thấp, nhất là xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác dự báo về tình hình kinh tế và định hướng thị trường chưa kịp thời; công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu thiếu tính hệ thống, còn phân tán đơn lẻ; năng lực các nhà đầu tư còn hạn chế nên tiến độ triển khai các dự án chậm so với tiến độ đã đăng ký. Doanh nghiệp

⁵ Không đạt mục tiêu đề ra: từ 2 tỷ USD trở lên, vốn thực hiện đạt trên 30%.

⁶ Không đạt mục tiêu đề ra: 37 làng nghề.

⁷ Chỉ đạt 27,5% so với kế hoạch.

công nghiệp trên địa bàn chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển công nghiệp của một số cấp ủy, chính quyền chưa thường xuyên; sự phối hợp giữa các sở ngành và địa phương có lúc chưa kịp thời.

II - MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

1. Mục tiêu

1.1 - Mục tiêu tổng quát

Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP.

1.2 - Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng trong GRDP bình quân hàng năm tăng 9,5-10,2%; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP đến năm 2025 đạt 31,8%; trong đó, riêng công nghiệp đạt 23%.

- Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 (giá so sánh 2010) đạt 74.600 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 9,2%/năm.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 6 tỷ USD; trong đó, phân đầu các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp (*kể cả các khu công nghiệp trong Khu kinh tế*) chiếm trên 50%.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu công nghiệp Nhơn Hòa (giai đoạn 2), Bình Nghi, Hòa Hội, Cát Trinh, Long Mỹ (giai đoạn 2) và các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nhơn Hội; bổ sung quy hoạch Khu công nghiệp Bồng Sơn; phân đầu sớm đưa vào hoạt động Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định.

- Phân đầu 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1 - Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Tập trung quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề theo đúng định hướng, mục tiêu của Chương trình hành động.

2.2 - Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đến năm 2025 và những năm tiếp theo; rà soát lại quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề; tăng cường quản lý, thực hiện có hiệu quả các quy hoạch đảm bảo phát triển đúng định hướng.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 27/8/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo với hàm lượng khoa học công nghệ cao, tăng tỷ lệ nội địa hóa; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ... Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề...

Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các dự án công nghệ thông tin đầu tư trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp (start up) đầu tư phát triển công nghệ thông tin (ITC), trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách, suất đầu tư trên một đơn vị diện tích lớn; không thu hút các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu...

2.3 - Tập trung phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng, đưa vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch, nhất là dự án Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là công trình hạ tầng bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả hoạt động

các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện về mặt bằng sạch, thuận lợi trong thu hút đầu tư. Ưu tiên vốn ngân sách đầu tư hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài để kết nối đồng bộ các khu, cụm công nghiệp và làng nghề tại địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Khu công nghiệp

Tập trung nguồn lực và hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng và đưa Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - VSIP Bình Định đi vào hoạt động, thu hút các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài vào đầu tư, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo sự tăng trưởng cao và bền vững của tỉnh trong giai đoạn 2020 - 2025.

Tích cực thu hút các nhà đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp hiện có, nhất là các khu công nghiệp trong Khu kinh tế; xúc tiến triển khai Khu công nghiệp Bình Nghi; tập trung đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động các khu công nghiệp: Nhơn Hòa (giai đoạn 2), Hòa Hội, Cát Trinh, Long Mỹ (giai đoạn 2); hoàn thành bổ sung quy hoạch, triển khai đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Bồng Sơn (thị xã Hoài Nhơn) và có kế hoạch phát triển các khu công nghiệp mới khi đủ điều kiện.

- Cụm công nghiệp

Tập trung thu hút đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật 41 cụm công nghiệp trong giai đoạn 2020 - 2025 với diện tích đất công nghiệp khoảng 600 ha phục vụ nhu cầu sử dụng đất cho các dự án sản xuất công nghiệp mới; tiếp tục đầu tư nâng cấp, tu sửa hạ tầng kỹ thuật bên ngoài để kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, ưu tiên đầu tư các tuyến đường vào cụm công nghiệp; triển khai Đề án Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên bố trí khoảng 50% diện tích phục vụ chế biến nông, lâm, thủy, hải sản trong cụm công nghiệp; khuyến khích, tăng cường thu hút các doanh nghiệp có năng lực tài chính đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; hoàn thành di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp Quang Trung và Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn. Chuyển đổi ngành nghề đối với Cụm công nghiệp Gò Đá Trắng và Cụm công nghiệp Bình Định (thị xã An Nhơn) theo hướng công nghiệp sạch và thương mại dịch vụ.

- Làng nghề

Tập trung đầu tư phát triển các làng nghề đã được công nhận gắn với du lịch để làm đòn bẩy phát triển các làng nghề khác. Hỗ trợ các làng nghề xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường và đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề theo quy định. Tăng cường hướng dẫn lập hồ sơ công nhận theo quy định; phần đầu giai đoạn 2021 - 2025 có 17 làng nghề được công nhận đạt tiêu chí hiện hành. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, làng nghề

đổi mới cách thức sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị, cải tiến mẫu mã, bao bì, tăng cường xúc tiến thương mại, định hướng thị trường nội địa và tiến tới xuất khẩu sản phẩm làng nghề, nhất là các làng nghề đạt tiêu chí hiện hành về làng nghề, làng nghề truyền thống. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật làng nghề; hình thành các “cụm sản xuất nông - công nghiệp ở nông thôn” gắn với Chương trình phát triển mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

2.4 - Phát triển sản xuất các ngành công nghiệp gắn với đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường

- Phát triển công nghiệp chế biến gắn với sản phẩm nông - lâm - thủy sản; ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo, phấn đấu đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 70.790 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9%/năm; cụ thể:

+ *Công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm và đồ uống*: Tạo điều kiện để các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng đi vào hoạt động, phát huy giá trị sản xuất công nghiệp như: Nhà máy sữa Bình Định, Nhà máy nước giải khát Tingco (giai đoạn 2), Nhà máy chế biến thủy sản An Hải... Tập trung thu hút đầu tư vào Khu chế biến thủy sản tập trung dọc Quốc lộ 19 mới. Thu hút và phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu gắn với các cảng cá tại thị xã Hoài Nhơn, huyện Phù Cát. Thực hiện di dời các nhà máy chế biến thủy sản trong nội thành thành phố Quy Nhơn vào các khu, cụm công nghiệp, khu chế biến tập trung và nâng cao năng lực chế biến theo chiều sâu, trên cơ sở đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị hàng hóa.

+ *Công nghiệp chế biến gỗ*: Phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; xây dựng thương hiệu “Đồ gỗ Bình Định”; triển khai Đề án phát triển công nghiệp chế biến gỗ tỉnh Bình Định đến năm 2030, trong đó tập trung xuất khẩu các sản phẩm gỗ nội thất, gỗ ngoài trời, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ; ưu tiên phát triển các nhà máy sản xuất tủ bếp, ván gỗ, sản phẩm gỗ nguyên khối (gỗ glulam, gỗ CLT, ván gỗ mặt lớn) để tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp... gắn với xây dựng diện tích rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững, phát triển rừng trồng cây gỗ lớn; nâng cao tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu trong tỉnh, khuyến khích dùng gỗ rừng trồng đạt tiêu chuẩn FSC, PEFC... Khuyến khích đầu tư nâng cấp công nghệ và máy móc, thiết bị trong sản xuất đồ gỗ xuất khẩu để từng bước hiện đại hóa các nhà máy chế biến, nâng cao chất lượng và đa dạng mẫu mã sản phẩm. Tăng cường tuyên truyền, tập huấn việc ứng dụng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các nhà máy chế biến đồ gỗ nội thất trên địa bàn. Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ gỗ năm 2025 đạt 1 tỷ USD.

+ *Công nghiệp chế tạo máy, cơ khí*: Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển các ngành cơ điện tử, cơ khí chính xác, điện - điện tử, cơ khí chế tạo máy tạo nền tảng

thúc đẩy các ngành công nghiệp khác phát triển. Phát triển cơ khí đóng mới tàu thuyền và phụ tùng, trang thiết bị phục vụ phát triển ngành nông nghiệp, y tế. Phát triển các ngành cơ khí trong các cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo như: khuôn, linh kiện phụ tùng, máy móc thiết bị... Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy cơ khí hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát huy giá trị đầu tư.

+ *Công nghiệp dệt may - da giày*: Ưu tiên đầu tư từ các tập đoàn, tổng công ty lớn và đầu tư nước ngoài. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm của ngành dệt may - da giày hiện có. Chú trọng đầu tư phát triển các sản phẩm may mặc, vải sợi, giày, cặp, túi xuất khẩu các loại. Kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất vải cao cấp, vải giả da (simili), vải nhựa các loại, nguyên phụ liệu ngành may. Tập trung cải tiến mẫu mã, đào tạo đội ngũ thiết kế, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Từng bước phát triển có chọn lọc theo hướng giảm dần quy mô các doanh nghiệp dệt may trong khu vực đô thị, khuyến khích phát triển các cơ sở may mặc, da giày ở các cụm công nghiệp, khu vực nông thôn. Ổn định sản xuất các nhà máy hiện có; tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi các nhà máy đang đầu tư xây dựng hoàn thành, đi vào hoạt động theo tiến độ đăng ký. Tiếp tục đầu tư, phát triển các nhà máy may, giày thể thao tại các khu, cụm công nghiệp; hình thành và phát triển cụm liên kết ngành may mặc gắn với các cụm công nghiệp chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ.

+ *Công nghiệp hóa chất và dược phẩm*: Hỗ trợ các nhà máy Bidiphar, FKB... đầu tư chiều sâu, từng bước đổi mới công nghệ, thiết bị ngang tầm với trình độ tiên tiến trong khu vực, cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar công nghệ cao, nhà máy sản xuất dược phẩm Bidiphar Betalactam đã đầu tư tại Khu kinh tế Nhơn Hội hoạt động ổn định, phát huy hiệu quả. Tiếp tục thu hút các nhà máy sản xuất dược phẩm, dược liệu; sản xuất sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp đầu tư vào tỉnh.

+ *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất các mặt hàng gốm sứ, thủy tinh, gạch không nung, gạch bê tông siêu nhẹ AAC, ngói chống rêu, các loại vật liệu trang trí nội thất chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành xây dựng trên địa bàn, tạo nguồn hàng vững chắc, ổn định hướng đến xuất khẩu. Tăng cường thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp vật liệu mới như vật liệu xây dựng lắp ghép, vật liệu xây dựng được sản xuất từ vật liệu phế thải như bột đá, mùn cưa, phế thải xây dựng... để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao giá trị vật liệu xây dựng; tăng cường thu hút các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu sơn trong xây dựng. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị...

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, phấn đấu đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ thông tin đạt 1.250 tỷ đồng,

tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 32,2%/năm. Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho các dự án công nghệ thông tin của các doanh nghiệp TMA, FPT... đang đầu tư trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp (start up) đầu tư phát triển công nghệ thông tin (ITC), trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từng bước tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tiến đến hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư trong lĩnh vực nghiên cứu, sáng tạo, phát triển công nghệ dựa trên nền tảng của nhiều công nghệ mới, cốt lõi là công nghệ số nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước, xử lý rác thải, nước thải và khai khoáng, phấn đấu đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 2.560 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,7%/năm.

Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh để khai thác tiềm năng, lợi thế ở những nơi có điều kiện phát triển; thực hiện đầu tư và phát triển nguồn và lưới điện theo quy hoạch được duyệt đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; phấn đấu 100% thôn, làng⁸ trên địa bàn tỉnh được cấp điện lưới quốc gia.

Thu hút đầu tư và tạo điều kiện các nhà máy nước, nhà máy xử lý chất thải triển khai đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động phát huy hiệu quả, đáp ứng nhu cầu mở rộng đô thị và phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phát triển ngành khai thác đáp ứng nhu cầu các ngành chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh với quy mô và công nghệ khai thác theo hướng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước; cải tiến công nghệ khai thác, chế biến tinh, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm dần tiến tới không xuất khẩu nguyên liệu thô.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư và mở rộng thị trường

Tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, tổng công ty có tiềm lực về vốn, công nghệ hiện đại, thương hiệu mạnh; sử dụng các công cụ huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ; áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm như một thành viên góp vốn... đầu tư vào các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Thực hiện rà soát,

⁸ 2 làng tại huyện Văn Canh và 1 làng tại huyện Vĩnh Thạnh

cập nhật và công khai minh bạch các chính sách có liên quan thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; các vấn đề liên quan đến giá thuê đất, phí hạ tầng dùng chung, chi phí giải phóng mặt bằng, vốn ứng trước của doanh nghiệp... Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, sản xuất công nghiệp theo hướng tinh gọn, đảm bảo theo quy định của pháp luật; hạn chế, tiến tới chấm dứt cấp phép đầu tư xây dựng mới các nhà máy sản xuất ở bên ngoài các khu, cụm công nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là CPTPP, EVFTA, UKVFTA, các rào cản kỹ thuật, các tình huống tranh chấp thương mại... Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, các chương trình kết nối cung cầu hàng hóa, các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, OCOP để tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo tác động và nguy cơ của những yếu tố bên ngoài đến tình hình tiêu thụ hàng hóa để kịp thời định hướng thị trường cho doanh nghiệp. Tiếp tục tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm có thế mạnh của tỉnh nhằm nâng cao giá trị thương phẩm và khả năng cạnh tranh. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp thực hiện bảo hộ sản phẩm như đăng ký chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu, kiểu dáng hàng hóa, bằng sáng chế; xây dựng thương hiệu, nhất là các sản phẩm làng nghề; khuyến khích và nhân rộng các mô hình sản xuất sạch, an toàn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, nhân lực và bảo vệ môi trường

Tổ chức các hoạt động tư vấn về chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất tập trung trong các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Tiếp tục triển khai một số dự án khoa học và công nghệ có quy mô lớn, có tác động mạnh mẽ đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trọng điểm của tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo phục vụ phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh việc xây dựng và đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình, kế hoạch đào tạo nghề, sát hạch tay nghề với sự tham gia của doanh nghiệp để ứng dụng, tuyển dụng phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường và kiểm soát các cơ sở sản xuất thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Chỉ đạo cơ quan có chức năng tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý theo quy định các cơ sở vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, đồng thời, phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường.

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban của Tỉnh ủy, Mặt trận, các đoàn thể tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình hành động về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025 đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể để tổ chức, triển khai thực hiện có kết quả Chương trình hành động này.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; chỉ đạo rà soát các chính sách về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, về khu, cụm công nghiệp để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; chỉ đạo các sở, ban, ngành cụ thể hóa Chương trình hành động thành các đề án, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo giúp Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình; tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung những chủ trương, chính sách và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động./.

Nơi nhận:

- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành,
Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
SẴN BÍ THƯ



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục 1
TỈNH ỦY CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020, KẾ HOẠCH 2020 - 2025

STT		Đv tính	Thực hiện		Kế hoạch 2025	Giai đoạn 2015-2020	Giai đoạn 2020-2025	Tốc độ tăng trưởng bình quân 2015-2020 (%)	Tốc độ tăng trưởng bình quân 2020-2025 (%)
			2015	2020					
I	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP	%	24,9	28,7	31,8	Tăng 3,8%	Tăng 3,1%		
	Trong đó: Công nghiệp	%	17,0	20,2	23,0	Tăng 3,2%	Tăng 2,8%		
II	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	31.825	48.104	74.600			108,6	109,2
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	30.335	45.960	70.790			108,7	109,0
2	Công nghiệp công nghệ thông tin		10,0	310	1.250			198,7	132,2
3	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước; xử lý rác thải, nước thải	"	1.007	1.383	2.100			106,6	108,7
4	Công nghiệp khai khoáng	"	473	451	460			99,1	100,4
III	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	702	1.058	1.400	4.146	Trên 6.000	108,5	105,8
1	Tỷ trọng của khu công nghiệp	%	34	41	50	Tăng 7%	Tăng 9%		
2	Tỷ trọng của cụm công nghiệp	%	16	25	27	Tăng 9%	Tăng 2%		

**SỐ LƯỢNG CƠ SỞ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2020 - 2025**

STT	Cơ sở SXCN	Đơn vị	Thực hiện		Tăng 2020/2015	Dự kiến đến 2025	Tăng 2025/2020
			2015	Sơ bộ 2020			
I	Loại hình DN	Cơ sở	22.224	22.550	326	22.937	387
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, DN tư nhân	Cơ sở	786	1.264	478	1.815	551
2	Hợp tác xã	Cơ sở	13	17	4	22	5
3	Cá thể	Cơ sở	21.425	21.269	-156	21.100	-169
II	Ngành kinh tế	Cơ sở	22.224	22.550	326	22.937	387
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Cơ sở	20.584	21.172	588	21.677	505
2	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước; xử lý rác thải, nước thải	Cơ sở	359	381	22	410	29
3	Công nghiệp khai khoáng	Cơ sở	1.281	997	-284	850	-147

Phụ lục 3
LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP
GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2020 - 2025

TT	Lao động SXCN	Đơn vị	Thực hiện		Tăng 2020/2015	Dự kiến đến 2025	Tăng 2025/2020
			2015	Sơ bộ 2020			
I	Loại hình DN	Người	110.034	109.392	-642	111.000	1.608
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phần, tư nhân	Người	62.774	63.718	944	65.500	1.782
2	Hợp tác xã	Người	402	415	13	500	85
3	Cá thể	Người	46.858	45.259	-1.599	45.000	-259
II	Ngành kinh tế	Người	110.034	109.392	-642	111.000	1.608
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Cơ sở	102.225	102.607	382	104.350	1.743
2	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước; xử lý rác thải, nước thải	Cơ sở	3.310	3.395	85	3.650	255
3	Công nghiệp khai khoáng	Cơ sở	4.499	3.390	-1.109	3.000	-390

Phụ lục 4
DANH SÁCH CỤM CÔNG NGHIỆP
ĐẦU TƯ HOÀN THIỆN HẠ TẦNG KỸ THUẬT GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

STT	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích theo QH chung (ha)
1	CCN Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	23,3
2	CCN Bình An	Tuy Phước	38,2
3	CCN Đồi Hòa Sơn	An Nhơn	37,0
4	CCN An Trường	An Nhơn	28,3
5	CCN An Mơ	An Nhơn	29,4
6	CCN Nhơn Tân 1	An Nhơn	66,0
7	CCN Tân Đức (GD2)	An Nhơn	50,0
8	CCN Nhơn Phong	An Nhơn	11,5
9	CCN Nhơn Tân	An Nhơn	25,0
10	CCN Hóc Bọm	Tây Sơn	37,8
11	CCN Phú An	Tây Sơn	38,0
12	CCN Tây Xuân	Tây Sơn	52,1
13	CCN Trường Định	Tây Sơn	20,0
14	CCN Cầu 16	Tây Sơn	38,0
15	CCN Gò Cây	Tây Sơn	30,0
16	CCN Cầu Nước Xanh	Tây Sơn	38,8
17	CCN Rẫy Ông Thơ	Tây Sơn	20,0
18	CCN Gò Giữa	Tây Sơn	35,0
19	CCN Cát Khánh	Phù Cát	41,3
20	CCN Cát Hiệp	Phù Cát	50
21	CCC Cát Trinh	Phù Cát	16,8
22	CCN Bình Dương	Phù Mỹ	75,0
23	CCN Diêm Tiêu	Phù Mỹ	38,2
24	CCN Đại Thạnh	Phù Mỹ	63,8
25	CCN An Lương	Phù Mỹ	30,0
26	CCN Bồng Sơn	Hoài Nhơn	30,5
27	CCN Hoài Tân	Hoài Nhơn	74,5
28	CCN Hoài Hảo	Hoài Nhơn	17,0
29	CCN Tường Sơn	Hoài Nhơn	15,0
30	CCN Hoài Hương (Thiện Đức)	Hoài Nhơn	11,8
31	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	Hoài Nhơn	21,0
32	CCN Thiết Đính Bắc	Hoài Nhơn	50,0
33	CCN Hoài Thanh Tây	Hoài Nhơn	8,9

STT	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích theo QH chung (ha)
34	CCN Hoài Châu	Hoài Nhơn	25,0
35	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	Hoài Nhơn	12,0
36	CCN Dốc Truong Sỏi	Hoài Ân	15,0
37	CCN Du Tụ (GĐ2)	Hoài Ân	10,0
38	CCN Gò Bù	An Lão	11,7
39	CCN Gò Cây Duối	An Lão	14,1
40	CCN Tà Súc	Vĩnh Thạnh	35,7
41	CCN TT Vân Canh (GĐ2)	Vân Canh	37
Tổng cộng			1.323